

Số: 270/2026/QĐST- HNGĐ

Hung Yên, ngày 14 tháng 07 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật.

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 2 - HUNG YÊN.

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông Ngô Xuân Quỳnh

Thư ký phiên họp: Bà Nguyễn Thị Huệ - Thư ký

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 – Hưng Yên: Bà Đặng Thị Phượng
- Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 07 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 2 -Hưng Yên, mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý 215/ 2026/TLST - HNGĐ ngày 26/06 /2026 về việc “ Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật”, theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 52/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 06 tháng 07 năm 2026, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Anh **Lê Hữu T** sinh năm 1987 (có mặt)

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Chị **Phùng Thị H** sinh năm 1991 (có mặt)

Cháu **Lê Thị Thu T1** sinh ngày 12/10/2009 (vắng mặt)

Cháu **Lê Thảo V** sinh ngày 24/03/2011 (vắng mặt)

Cháu **Lê Minh T2** sinh ngày 16/09/2013 (vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của cháu **T1**, cháu **V**, cháu **T2** là anh **Lê Hữu T** và chị **Phùng Thị H**.

Đều địa chỉ: **Thôn B, xã V, tỉnh Hưng Yên**

Người làm chứng:

Bà **Trịnh Thị T3** sinh năm 1963 (vắng mặt)

Bà **Lê Thị T4** sinh năm 1960 (vắng mặt)

Đều địa chỉ: **Thôn B xã V, tỉnh Hưng Yên**

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Theo đơn yêu cầu ngày 26/0/2026 và trong quá trình tố tụng người yêu cầu anh **Lê Hữu T** trình bày:

Ngày 11/03/2008 anh đăng ký kết hôn với Chị **Phùng Thị H** tại **UBND xã Y, huyện Y** nay là **UBND xã V**. Sau khi về chung sống với nhau được một thời gian

dài thì anh mới biết chị **H** sinh ngày 11/10/1991, tính đến ngày đăng ký kết hôn, chị **H** mới được 16 tuổi 05 tháng tròn, chị **H** đã khai tăng thêm 01 tuổi để được đăng ký kết hôn, nên anh xác định việc đăng ký kết hôn giữa anh và chị **H** là trái quy định của pháp luật.

Do năm sinh trong Giấy đăng ký kết hôn khác với năm sinh tại căn cước công dân và các giấy tờ tùy thân, nên khi vợ chồng mua bán tài sản chung phải đăng ký quyền sở hữu hoặc thế chấp đất để vay vốn làm ăn, thì rất khó khăn, không thực hiện được, vì các giao dịch này đều cần phải xuất trình giấy đăng ký kết hôn và căn cước công dân... Nay anh yêu Tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh và chị **H** đã đăng ký tại **UBND xã Y** ngày 11/03/2008.

Từ khi về chung với nhau cho đến nay, anh và chị **H** rất hòa thuận, sinh 03 con chung là cháu **Lê Thị Thu T1** sinh ngày 12/10/2009, cháu **Lê Thảo V** sinh ngày 24/03/2011 và cháu **Lê Minh T2** sinh ngày 16/09/2013, anh chị có tài sản chung, hiện nay vợ chồng anh chị vẫn đang sống rất hạnh phúc. Anh đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân hợp pháp cho anh là **Lê Hữu T** sinh ngày 08/02/1987 với chị **Phùng Thị H**, sinh ngày 11/10/1991 theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan chị Phùng Thị H trình bày: Chị sinh ngày 11/10/1991 tại **thôn B xã V tỉnh Hưng Yên**. Chị đăng ký kết hôn với anh **Lê Hữu T** vào ngày 11/03/2008 dương lịch. Do khi đăng ký chị chưa đủ tuổi nên đã khai tăng tuổi để được UBND xã đăng ký, do vậy trong đăng ký kết hôn có ghi chị sinh năm 1990. Việc khai tăng tuổi là do chị muốn được kết hôn ngay với anh **T**, chị không nói cho anh **T** biết, khi về ở với nhau được một thời gian dài anh **T** mới biết chị sinh năm 1991. Do khai tăng một tuổi nên năm sinh của chị tại Giấy đăng ký kết hôn khác với năm sinh tại Căn cước công dân, giấy khai sinh của các con, và các giấy tờ tùy thân khác, dẫn đến nhiều khó khăn trong cuộc sống, và ảnh hưởng hồ sơ học bạ của con. Chị nhận thấy rằng việc khai tăng tuổi để được đăng ký kết hôn trái quy định của pháp luật vì vậy chị nhất trí với yêu cầu của anh **T** đề nghị Tòa án hủy việc đăng ký kết hôn của chị và anh **T** ngày 11 tháng 03 năm 2008 tại **UBND xã Y**. Hiện tại hai vợ chồng anh chị vẫn đang sinh sống hạnh phúc với nhau, không có mâu thuẫn gì, có ba con chung, có tài sản chung, nên chị cũng đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân hợp pháp cho chị và anh **T**.

Người liên quan cháu Lê Thị Thu T1, cháu Lê Thảo V, cháu Lê Minh T2 trình bày: Các cháu là con của bố **Lê Hữu T** và mẹ **Phùng Thị H** bố mẹ sinh được ba người con là **Lê Thị Thu T1** sinh ngày 12/10/2009, **Lê Thảo V** sinh ngày 24/03/2011 và **Lê Minh T2** sinh ngày 16/09/2013 hiện các cháu đang sinh sống cùng bố mẹ, cả gia đình vẫn đang sinh sống hạnh phúc với nhau, các cháu đề nghị giải quyết theo nguyện vọng của bố mẹ

Người làm chứng bà Trịnh Thị T3 trình bày: Bà là mẹ đẻ của anh **T**, chị **H** là con dâu của bà, hiện vợ chồng anh **T** chị **H** và các con vẫn đang chung sống hạnh phúc cùng bà, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh **T** chị **H**.

Người làm chứng bà Lê Thị T4 trình bày: Bà là mẹ đẻ của chị **Phùng Thị H**. Chị **H** sinh ngày 11/10/1991, việc chị **H** đăng ký kết hôn với anh **T** gia đình bà không biết, hai anh chị tự đăng ký kết hôn và về ở với nhau. Hiện nay hai anh chị vẫn đang sống hạnh phúc cùng nhau, không có mâu thuẫn gì, bà đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của anh **T**, chị **H**

Ủy ban nhân dân xã V cung cấp: Theo sổ theo dõi kết hôn lưu trong dữ liệu của UBND xã V, tỉnh Hưng Yên thể hiện Chồng - **Lê Hữu T** sinh ngày 08/02/1987; vợ **Phùng Thị H** sinh ngày 11/09/1990, đăng ký kết hôn ngày 11/03/2008, số đăng ký 25 quyền số 01/2008 tại UBND xã Y, huyện Y (nay là UBND xã V, tỉnh Hưng Yên). Theo dữ liệu quản lý dân cư thì anh **Lê Hữu T** sinh ngày 08/02/1987; chị **Phùng Thị H** sinh ngày 11/10/1991. Tại thời điểm đăng ký kết hôn thì chị **H** mới được 16 tuổi 5 tháng tròn, theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 thì chị **Phùng Thị H** chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, vì vậy việc kết hôn ngày 11/03/2008 của anh **T** chị **H** là trái quy định pháp luật. Địa phương xác nhận chị **Phùng Thị H** sinh ngày 11/09/1990 theo giấy đăng ký kết hôn số 25 ngày 11/03/2008, chính là chị **Phùng Thị H** sinh ngày 11/10/1991 theo căn cước công dân. Anh **Lê Hữu T** và chị **Phùng Thị H** có 03 con chung là cháu **Lê Thị Thu T1** sinh ngày 12/10/2009, cháu **Lê Thảo V** sinh ngày 24/03/2011 và cháu **Lê Minh T2** sinh ngày 16/09/2013. Anh **T** chị **H** hiện vẫn đang sinh sống hạnh phúc với nhau, do vậy địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc theo quy định pháp luật và nguyện vọng của các đương sự.

Tại phiên họp: Anh **Lê Hữu T** và chị **Phùng Thị H** giữ nguyên yêu cầu và cùng đề nghị công nhận hôn nhân cho anh chị.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 2 - Hưng Yên. Theo kết quả xác minh cùng sự cung cấp của người làm chứng, có đủ căn cứ xác định chị **Phùng Thị H**, sinh ngày 11/10/1991, theo Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000 thì chị **Phùng Thị H** chưa đủ tuổi đăng ký kết hôn, vì vậy việc kết hôn ngày 11/03/2008 của anh **T** chị **H** là trái quy định pháp luật. Tuy nhiên hiện hai anh chị vẫn đang chung sống hạnh phúc với nhau và cùng đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân, nên đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân cho anh chị kể từ ngày đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

XÉT THẤY

[1] Về tố tụng: Tại phiên họp vắng mặt người liên quan là cháu **Lê Thị Thu T1**, cháu **Lê Thảo V**, cháu **Lê Minh T2**, những người làm chứng là bà **Trịnh Thị T3**, bà **Lê Thị T4**, các đương sự và đại diện Viện kiểm sát khu vực 2 - Hưng Yên cùng đề nghị tiến hành phiên họp vắng mặt những người liên quan và người làm chứng, xét thấy người liên quan, người làm chứng vắng mặt đã có lời khai, ý kiến trình bày với Tòa án và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nên căn cứ khoản 3 Điều 367 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những người làm chứng

[2] Theo giấy chứng nhận kết hôn ngày 11/03/2008 của UBND Yên Phú huyện Y (nay là xã V) có ghi chồng **Lê Hữu T** sinh ngày 08/02/1987; vợ **Phùng Thị H** sinh ngày 11/09/1990. Theo kết quả xác minh cùng tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập và sự xác nhận của chính quyền địa phương, thì có đủ cơ sở xác định chị **Phùng Thị H** sinh ngày 11/10/1991.

[3] Ngày ngày 11/03/2008 chị **H** đăng ký kết hôn với anh **T** tại UBND xã Y, tại thời điểm này chị **Phùng Thị H** mới được 16 tuổi 05 tháng, nên đã vi phạm Điều 9 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, do vậy việc kết hôn của chị **H** và anh **T** là trái luật. Tuy nhiên từ khi chị **H** và anh **T** đăng ký kết hôn và chung sống với nhau đến nay hai anh chị sinh sống hạnh phúc, yêu thương nhau, không có mâu thuẫn gì, đã có với nhau 03 con chung, có tài sản chung, hiện vẫn đang chung sống hạnh phúc

với nhau, tại phiên họp chị **H** và anh **T** cùng đề nghị Tòa án công nhận quan hệ hôn của hai anh chị xét thấy tại thời điểm mở phiên họp (ngày 14/07/2026) chị **H** đã đủ điều kiện kết hôn theo điểm a Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, nên căn cứ điểm a khoản 2 Điều 4 Thông tư liên tịch số 01/ TTLT - TANDTC - VKSNDTC - BTP, ngày 06/01/2016 hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân và gia đình, Tòa án công nhận quan hệ hôn nhân của anh **Lê Hữu T** sinh ngày 08/02/1987 và chị **Phùng Thị H** sinh ngày 11/10/1991 kể từ ngày 12/10/2009

[4] Về lệ phí: Anh **Lê Hữu T** phải chịu lệ phí theo Nghị quyết 326 của Ủy ban thường vụ Q.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1/ Áp dụng: Khoản 1 Điều 29; 361; 367; 369; 370; 371; 372 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 8, khoản 2 điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm a khoản 2 điều 4 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT- TANDTC – VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016 Hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật hôn nhân gia đình.

2/ Công nhận quan hệ hôn nhân giữa anh **Lê Hữu T** sinh ngày 08/02/1987 và chị **Phùng Thị H** sinh ngày 11/10/1991 kể từ ngày 12/10/2009

3/ Về lệ phí: Áp dụng khoản 1 Điều 4, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 37 Nghị quyết 326/ 2014/ NQUBTVQH, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Q. Anh **Lê Hữu T** phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) lệ phí sơ thẩm hôn nhân gia đình, đối trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) anh **T** đã nộp tại biên lai thu số 0003494 ngày 29/06/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Hưng Yên anh **T** đã nộp đủ lệ phí.

4/ Về quyền kháng cáo: Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong hạn 10 ngày, kể từ ngày kể từ ngày 14/07/2026.

Nơi nhận:

- Người yêu cầu;
- Người liên quan;
- TAND tỉnh Hưng Yên;
- Viện KSND khu vực 2 – Hưng Yên;
- THADS khu vực 2 - Hưng Yên
- UBND xã Việt Yên, tỉnh Hưng Yên
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Ngô Xuân Quỳnh